

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Tháng 5 2025

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	04
2. Tình hình xuất nhập khẩu	07
3. Diễn biến giá	10
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	13
1. Sản xuất	13
2. Xuất khẩu	13
3. Diễn biến giá	16
Phần III: Dự báo	17
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	18
Phần V: Chính sách	20
Phụ lục	21

Viết tắt, giải nghĩa

BPI: Cục Công nghiệp Thực vật
Philippines

BPS: Cục Thống kê Indonesia

CRF: Liên đoàn lúa gạo Campuchia

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông
nghiệp Liên Hợp Quốc

FCI: Tổng công ty Lương thực Ấn Độ

ITC: Trung tâm Thương mại Quốc tế

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

REA: Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo
Ấn Độ

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

VIETRISA: Hiệp hội ngành hàng lúa gạo
Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt mức kỷ lục 541,6 triệu tấn, tăng nhẹ 0,4 triệu tấn so với niên vụ trước. Trong khi đó, tiêu thụ gạo toàn cầu dự kiến tăng 7,4 triệu tấn, lên 541,1 triệu tấn - cao nhất từ trước đến nay.
- Thương mại gạo toàn cầu trong năm 2026 được dự báo đạt 61,7 triệu tấn, tăng 1% so với năm 2025. Trong đó, Ấn Độ tiếp tục giữ vững vị thế là quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, với sản lượng dự kiến đạt kỷ lục 25 triệu tấn, cao hơn tổng sản lượng của ba nước xuất khẩu lớn tiếp theo là Việt Nam, Thái Lan và Pakistan cộng lại.
- Mặc dù vậy, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã sụt giảm gần 60% trong hai tháng đầu năm tài khóa 2025–2026 (tháng 4 và tháng 5), chủ yếu do nhu cầu yếu và lượng tồn kho lớn từ phía người mua. Bức tranh thị trường diễn ra âm ảm mặc dù Ấn Độ đã dỡ bỏ lệnh hạn chế xuất khẩu từ tháng 9/2024.
- Tại Thái Lan, lượng gạo xuất khẩu từ tháng 1 đến tháng 4 đã ghi nhận sự chậm lại đáng kể, chỉ đạt 2,4 triệu tấn, giảm gần 30% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ xuất khẩu chậm hơn phản ánh nhu cầu giảm từ Indonesia, nguồn cung xuất khẩu eo hẹp và sự cạnh tranh về giá gay gắt từ các nhà xuất khẩu khác.
- Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), chỉ số giá gạo trung bình toàn cầu trong tháng 5 đạt 106,3 điểm, tăng 1,4% so với tháng trước. Tuy nhiên, cập nhật đến nửa đầu tháng 6, giá gạo xuất khẩu của các nước đã quay đầu giảm từ 8–12 USD/tấn do nguồn cung dồi dào và nhu cầu suy yếu trở lại.
- Theo số liệu của Cục Hải quan, trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 4,2 triệu tấn, trị giá gần 2,2 tỷ USD, tăng 4% về lượng nhưng lại giảm 15,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, do giá thấp hơn. Đáng chú ý, lượng gạo xuất khẩu sang thị trường Mỹ trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm tăng rất mạnh so với cùng kỳ.
- Các doanh nghiệp xuất khẩu cho biết, xuất khẩu gạo đang chậm lại sau khi kết thúc vụ đông xuân, trong khi vụ hè thu vẫn chưa đến kỳ thu hoạch, lượng lúa gạo hàng hoá trên thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long không còn nhiều. Dự kiến sản lượng xuất khẩu sẽ cải thiện vào tháng 7-8 khi bước vào giai đoạn thu hoạch chính của vụ hè thu.

Phần I: THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI



Trong tháng 5, nhu cầu mạnh lên, cùng với những biến động tỷ giá hối đoái, được cho là những yếu tố đã đẩy giá gạo quốc tế tăng so với tháng trước. Tuy nhiên, bước sang nửa đầu tháng 6, giá gạo tại các quốc gia sản xuất hàng đầu đã giảm trở lại do nguồn cung dồi dào, tồn kho tại Ấn Độ tăng vọt.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

a. Sản xuất

Theo báo cáo mới nhất của USDA, sản lượng gạo toàn cầu trong niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt mức kỷ lục 541,6 triệu tấn (xay xát), tăng 2,9 triệu tấn so với dự báo trước đó và cao hơn 0,4 triệu tấn so với ước tính đã điều chỉnh của niên vụ 2024-2025.

Ấn Độ chiếm phần lớn trong mức điều chỉnh tăng trong tháng này, với sản lượng tăng thêm 3 triệu tấn lên mức kỷ lục 151 triệu tấn. Sản lượng của Australia được nâng thêm 16.000 tấn, lên 346.000 tấn, trong khi sản lượng của Mỹ giảm 155.000 tấn, xuống còn 6,8 triệu tấn.

So với niên vụ trước, Bangladesh, Myanmar, Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU), Ghana, Ấn Độ, Madagascar, Mali, Nepal, Philippines và Sri Lanka chiếm phần lớn trong mức tăng sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025-2026, bù đắp cho sự sụt giảm sản lượng tại Argentina, Brazil, Campuchia, Guinea, Indonesia, Nigeria, Hàn Quốc, Thái Lan, Mỹ và Việt Nam.

USDA cho biết, Ấn Độ và Trung Quốc vẫn là hai quốc gia sản xuất gạo lớn nhất thế giới, chiếm hơn một nửa tổng sản lượng gạo toàn cầu.

Đối với niên vụ 2024-2025, sản lượng toàn cầu được điều chỉnh tăng thêm 3,4 triệu tấn, lên gần mức kỷ lục 541,2 triệu tấn, chủ yếu nhờ mức tăng 3 triệu tấn trong dự báo sản lượng Ấn Độ lên 150 triệu tấn và mức tăng 0,4 triệu tấn đối với sản lượng của Nigeria, đạt mức kỷ lục 5,8 triệu tấn.

b. Tiêu thụ

Tiêu thụ gạo toàn cầu niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt mức kỷ lục 541,1 triệu tấn, tăng 2,3 triệu tấn so với dự báo trước đó và cao hơn hơn 7,4 triệu tấn so với niên vụ 2024-2025.

Ấn Độ là quốc gia đóng góp lớn nhất vào mức điều chỉnh tăng trong tháng này, với sản lượng tiêu thụ tăng thêm 1,5 triệu tấn, đạt mức kỷ lục 126,5 triệu tấn, chủ yếu nhờ nguồn cung nội địa dồi dào. Dự báo về tiêu thụ và sử dụng tồn dư cũng được điều chỉnh tăng đối với một số quốc gia khu vực Tây Phi, trong khi bị điều chỉnh giảm đối với Afghanistan và Mỹ.

Mức tiêu thụ gạo toàn cầu kỷ lục trong niên vụ 2025-2026 được thúc đẩy bởi nhu cầu cao tại nhiều quốc gia, đặc biệt là: Bangladesh, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, EU, Ghana, Guinea, Ấn Độ, Iraq, Lào, Liberia, Madagascar, Malaysia, Mali, Nigeria, Pakistan, Peru, Philippines, Arab Saudi, Senegal, Sierra Leone, Sri Lanka, Tanzania, Thái Lan và Việt Nam.

c. Tồn kho

Nguồn cung gạo toàn cầu trong niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt mức kỷ lục 728,9 triệu tấn (xay xát), tăng 5,1 triệu tấn so với dự báo trước, cao hơn 1% so với niên vụ trước và là năm tăng thứ ba liên tiếp.

Mức điều chỉnh tăng này chủ yếu là do dự báo sản lượng toàn cầu tăng thêm 2,9 triệu tấn và dự báo tồn kho đầu kỳ tăng thêm 2,2 triệu tấn. Các quốc gia đóng góp lớn vào mức tăng tồn kho đầu kỳ gồm Bangladesh, Ấn Độ, Nigeria và Pakistan, trong đó riêng Ấn Độ được điều chỉnh tăng 1,5 triệu tấn, lên mức kỷ lục 45,0 triệu tấn.

Các quốc gia chiếm phần lớn trong mức tăng tồn kho đầu kỳ bao gồm Bangladesh, Ấn Độ, Nigeria và Pakistan. Trong đó tồn kho đầu kỳ của Ấn Độ được nâng thêm 1,5 triệu tấn, lên mức kỷ lục 45 triệu tấn. Các quốc gia như Brazil, Myanmar, Campuchia, Trung Quốc, Bờ Biển Ngà, EU, Guinea, Ấn Độ, Iran, Nigeria, Philippines, Arab Saudi, Senegal, Thái Lan, Mỹ và Việt Nam chiếm phần lớn trong mức tăng 7,5 triệu tấn tồn kho đầu kỳ toàn cầu, lên mức kỷ lục 187,3 triệu tấn.

Tồn kho cuối kỳ toàn cầu trong niên vụ 2025-2026 được dự báo ở mức kỷ lục 187,8 triệu tấn, tăng 2,8 triệu tấn so với dự báo trước và cao hơn 0,5 triệu tấn so với niên vụ trước. Ấn Độ chiếm phần lớn trong mức điều chỉnh tăng tồn kho cuối kỳ, tăng 2 triệu tấn lên 44,5 triệu tấn, nhưng vẫn thấp hơn 0,5 triệu tấn so với kỷ lục của năm trước.

Tồn kho cuối kỳ của Bangladesh được nâng thêm 0,3 triệu tấn, đạt 1,7 triệu tấn và gần như không thay đổi so với năm trước. Tồn kho cuối kỳ của Pakistan tăng 0,34 triệu tấn lên 1,6 triệu tấn, còn Nigeria tăng 0,2 triệu tấn lên mức kỷ lục 3,1 triệu tấn. Ngược lại, dự báo tồn kho cuối kỳ tháng này được điều chỉnh giảm đối với Argentina, Guinea và Mỹ.

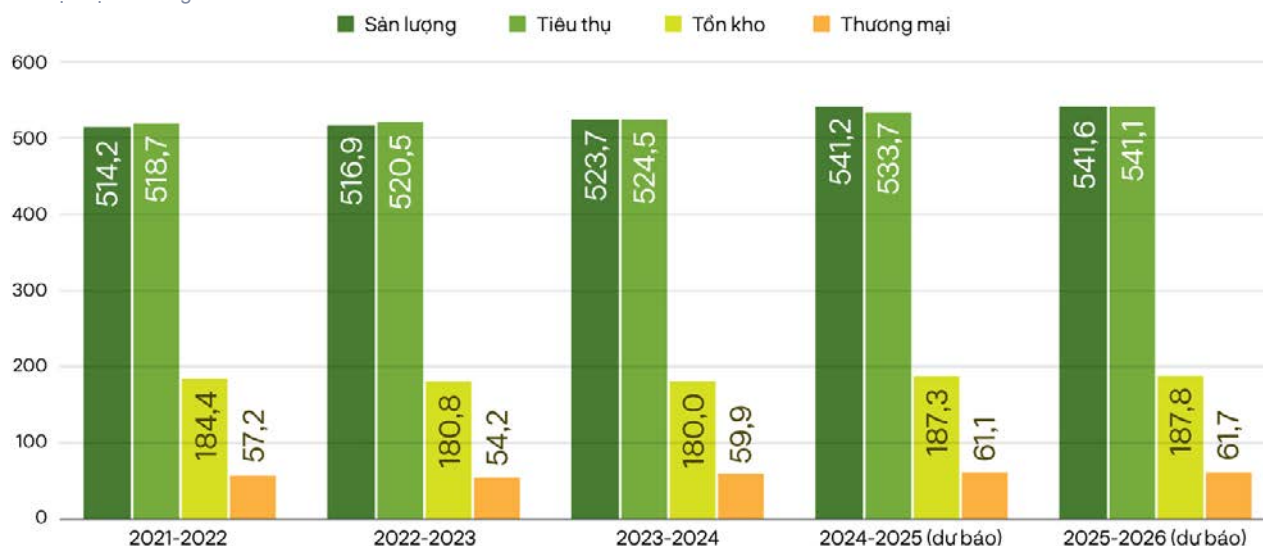
Trong khi đó, Trung Quốc và Ấn Độ cùng nhau chiếm khoảng 80% tồn kho gạo toàn cầu, một phần nhờ vào các chương trình dự trữ quốc gia của chính phủ (**Biểu đồ 1**).

d. Thương mại

Thương mại gạo toàn cầu trong năm dương lịch 2026 được dự báo đạt 61,7 triệu tấn, tăng 375.000 tấn so với dự báo trước và tăng 1% so với năm 2025.

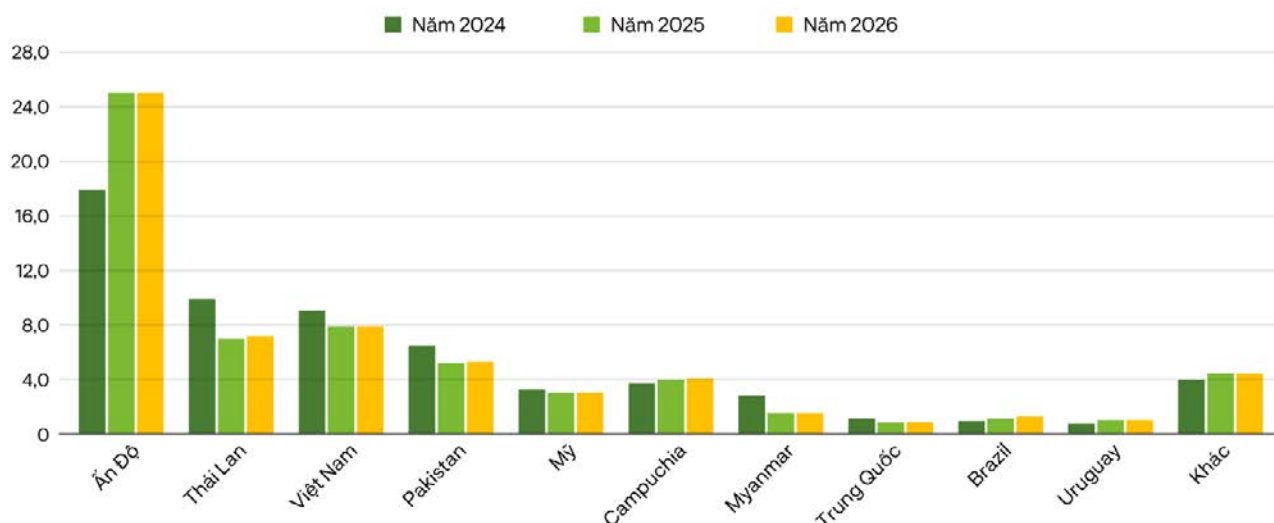
Biểu đồ 1: Cung – cầu gạo thế giới từ niên vụ 2021 – 2022 đến 2025-2026

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Biểu đồ 2: Xuất khẩu gạo của các nước sản xuất hàng đầu trong năm 2024 và dự báo 2025 - 2026

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Ấn Độ tiếp tục giữ vị trí là quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới năm 2026, với khối lượng xuất khẩu được điều chỉnh tăng thêm 500.000 tấn, lên 25 triệu tấn — giữ nguyên so với mức kỷ lục đã được điều chỉnh của năm 2025 và là lượng xuất khẩu cao nhất từ trước đến nay của bất kỳ quốc gia nào.

Mức điều chỉnh tăng này chủ yếu dựa trên dự báo nguồn cung dồi dào, khi sản lượng gạo của Ấn Độ trong cả hai niên vụ 2024-2025 và 2025-2026 đều được nâng thêm 3 triệu tấn mỗi năm.

Ngoài ra, dự báo xuất khẩu cũng được điều chỉnh tăng so với tháng trước tại Australia và Trung Quốc, nhưng giảm đối với Pakistan, chủ yếu do áp lực cạnh tranh từ nguồn cung lớn hơn của Ấn Độ.

Khối lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ thậm chí còn cao hơn ba quốc gia cung ứng lớn tiếp theo cộng lại bao gồm Việt Nam đạt 7,9 triệu tấn, Thái Lan đạt 7,2 triệu tấn và Pakistan khoảng 5,3 triệu tấn (**Biểu đồ 2**).

Về nhập khẩu gạo toàn cầu năm 2026, các dự báo được điều chỉnh tăng đối với Brunei, Trung Quốc, Guinea, Liberia, Pakistan, Senegal và

Mỹ. Dự báo nhập khẩu gạo của Mỹ trong năm 2026 đạt mức kỷ lục 1,6 triệu tấn, tăng 50.000 tấn so với dự báo trước và cao hơn 3% so với năm trước. Mức điều chỉnh tăng này là do dự báo sản lượng gạo trong nước giảm, có khả năng khiến nhập khẩu gạo gia tăng.

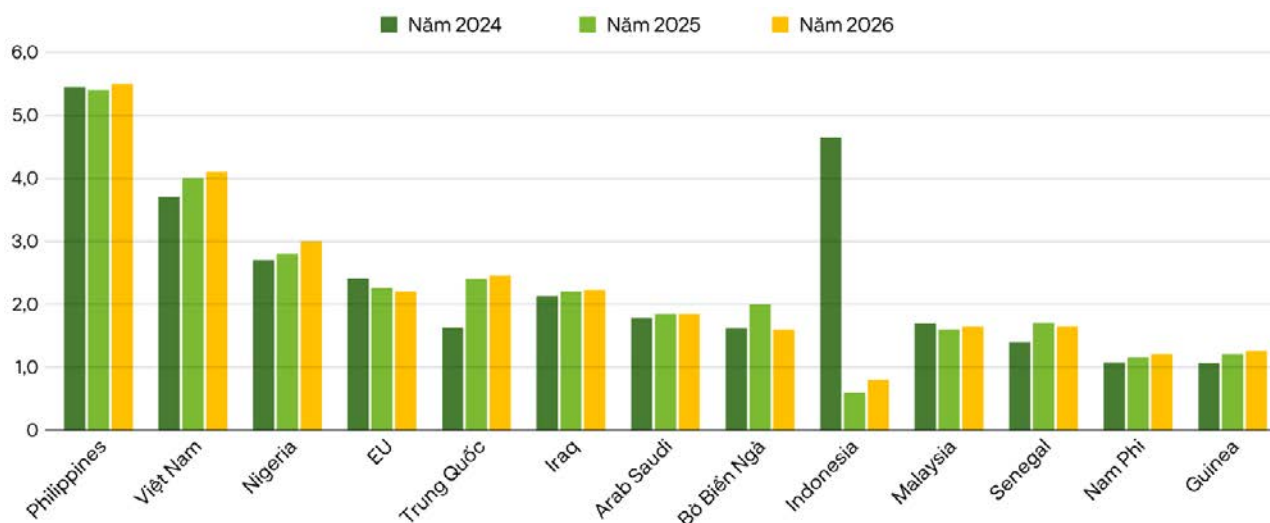
Những điều chỉnh tăng nhập khẩu này phần nào được bù đắp bởi mức giảm nhập khẩu ở Afghanistan và Liberia.

Năm 2026, quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới dự kiến vẫn là Philippines đạt 5,5 triệu tấn, tăng nhẹ 100.000 tấn so với năm 2025. Tiếp đến là Việt Nam, đạt 4,1 triệu tấn, tăng 100.000 tấn; Nigeria đạt 3 triệu tấn, tăng 200.000 tấn; Trung Quốc đạt 2,5 triệu tấn, tăng 100.000 tấn... (**Biểu đồ 3**).

Đối với năm 2025, thương mại gạo toàn cầu được dự báo đạt 60,5 triệu tấn, tăng 0,6 triệu tấn so với dự báo trước và cao hơn 1% so với năm trước. Ấn Độ chiếm phần lớn trong mức điều chỉnh tăng, với xuất khẩu được nâng thêm 0,5 triệu tấn, đạt mức kỷ lục 25,0 triệu tấn. Dự báo xuất khẩu cũng được điều chỉnh tăng đối với Trung Quốc, nhưng giảm đối với Pakistan, chủ yếu do sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn từ Ấn Độ.

Biểu đồ 3: Nhập khẩu gạo của các quốc gia hàng đầu trong năm 2024 và dự báo năm 2025 - 2026

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: USDA.



Về nhập khẩu trong năm 2025, Bangladesh chiếm phần lớn mức điều chỉnh tăng, với dự báo nhập khẩu tăng 300.000 tấn, lên 1,5 triệu tấn. Dự báo nhập khẩu của Senegal năm 2025 được nâng lên 200.000 tấn, đạt mức kỷ lục 1,7 triệu tấn.

Dự báo nhập khẩu cũng được điều chỉnh tăng trong tháng này đối với các nước: Brunei, Trung Quốc, Bồ Biển Ngà, Guinea, Guinea-Bissau, Nhật Bản, Liberia, Libya, Pakistan, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Mỹ, nhưng bị điều chỉnh giảm đối với Afghanistan, Cameroon, Canada và Guatemala.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

a. Xuất khẩu

Ấn Độ: Xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã sụt giảm gần 60% trong hai tháng đầu năm tài khóa 2025–2026 (tháng 4 và tháng 5), chủ yếu do nhu cầu yếu và lượng tồn kho lớn từ phía người mua.

Bức tranh thị trường diễn ra âm ảm mặc dù Ấn Độ đã dỡ bỏ lệnh hạn chế xuất khẩu từ

tháng 9/2024. Ban đầu, động thái này đã kích hoạt một làn sóng mua mạnh, với xuất khẩu gạo đồ tăng vọt từ 435.000 tấn trong tháng 9/2024 lên 1,25 triệu tấn vào tháng 1/2025. Gạo trắng cũng ghi nhận mức tăng tương tự, đạt đỉnh 807.000 tấn vào tháng 11/2024.

Tuy nhiên, đến tháng 5/2025, lượng xuất khẩu đã giảm mạnh, chỉ còn 207.000 tấn gạo đồ và 292.000 tấn gạo trắng, phản ánh rõ tình trạng dư thừa nguồn cung trên thị trường.

Các chuyên gia thương mại cho rằng nguyên nhân khiến xuất khẩu gạo giảm là do nguồn cung toàn cầu dư thừa và tồn kho lớn từ phía người mua. Ông M. Madan Prakash thuộc Tập đoàn Rajathi nhận định: “Hiện tại gần như không có nhu cầu.”

Tính đến ngày 1/6, lượng gạo dự trữ trong các kho của chính phủ đã tăng 18% so với cùng kỳ năm ngoái lên mức kỷ lục 59,5 triệu tấn—cao hơn nhiều so với mục tiêu 13,5 triệu tấn đến ngày 1/7.

Lượng hàng tồn kho tại Tổng công ty Lương thực Ấn Độ (FCI) đạt kỷ lục gần 38 triệu tấn gạo và 32,26 triệu tấn lúa. Việc FCI chào bán gạo làm nguyên liệu sản xuất ethanol với giá

chỉ 22,5 Rupee/kg có thể vô tình phát đi tín hiệu dư cung trên thị trường thế giới.

Tình hình càng trở nên khó khăn khi các quốc gia như Bangladesh giảm nhập khẩu, trong khi các nước xuất khẩu cạnh tranh khác cũng không ghi nhận được mức tăng trưởng đáng kể nào. Với nhu cầu trì trệ và chưa có dấu hiệu phục hồi, các nhà phân tích hiện nghi ngờ khả năng Ấn Độ đạt được mục tiêu xuất khẩu 24 triệu tấn theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA).

 **Thái Lan:** USDA cho biết, xuất khẩu gạo của Thái Lan dự kiến sẽ giảm xuống mức thấp nhất trong nhiều năm, chỉ còn 7 triệu tấn vào năm 2025.

Lượng gạo xuất khẩu từ tháng 1 đến tháng 4 đã ghi nhận sự chậm lại đáng kể, chỉ đạt 2,4 triệu tấn, giảm gần 30% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ xuất khẩu chậm hơn phản ánh nhu cầu giảm từ Indonesia, nguồn cung xuất khẩu eo hẹp và sự cạnh tranh về giá gay gắt từ các nhà xuất khẩu khác.

Một yếu tố chính dẫn đến sự sụt giảm xuất khẩu là nhu cầu giảm mạnh từ Indonesia – quốc gia nhập khẩu gạo lớn thứ hai thế giới và cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Thái Lan trong năm 2024.

Sau hai năm liên tiếp sản lượng thấp khiến nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh, nhập khẩu gạo của Indonesia đang sụt giảm mạnh trong năm 2025 nhờ sản lượng nội địa tăng và tồn kho đầu kỳ cao hơn.

Mặc dù dự báo sản lượng gạo Thái Lan sẽ cao hơn trong năm 2025, nhưng nguồn cung sẵn sàng để xuất khẩu lại eo hẹp hơn bình thường do lượng tồn kho đầu kỳ thấp nhất kể từ năm 2005.

Lệnh cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm 2024 đã khiến xuất khẩu gạo Thái tăng đột biến, kéo theo lượng tồn kho giảm mạnh. Giá gạo Thái Lan năm 2025, đặc biệt là gạo trắng thường, hiện đang ở mức cao so với các nhà xuất khẩu khác – những nước đã chứng kiến giá giảm mạnh sau khi Ấn Độ quay lại thị trường toàn cầu, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của gạo Thái Lan.

Tồn kho thắt chặt đã đẩy giá lên cao, cộng thêm đồng Baht mạnh khiến giá gạo Thái Lan càng đắt đỏ hơn đối với người mua quốc tế. Chẳng hạn, Philippines đã chuyển dần sang nhập khẩu gạo Việt Nam với giá rẻ hơn. Xuất khẩu gạo xay xát của Thái Lan sang Philippines từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2025 đã giảm 61% so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu gạo xay xát của Thái Lan sang Malaysia trong cùng giai đoạn cũng giảm 65% do sự cạnh tranh về giá từ Pakistan, Ấn Độ và Việt Nam.

Mặc dù tổng lượng xuất khẩu gạo của Thái Lan đang giảm, vẫn có một số điểm tích cực. Xuất khẩu gạo trắng sang Iraq và Trung Quốc đã tăng so với năm ngoái nhờ nhu cầu nhập khẩu tăng từ các thị trường này.

Dù xuất khẩu gạo trắng nói chung đang giảm, xuất khẩu gạo đỏ, gạo thơm vẫn ổn định và đang mở rộng. Xuất khẩu gạo tằm sang Nam Phi vẫn giữ ổn định so với năm trước nhờ nhu cầu đều đặn. Ngoài ra, xuất khẩu gạo thơm, loại gạo có giá cao hơn, cũng tăng, đặc biệt là sang Mỹ, nơi nhu cầu vẫn tiếp tục mạnh mẽ.



Campuchia: Theo báo cáo của Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), tính đến hết tháng 5, nước này đã xuất khẩu 344.199 tấn gạo xay xát, với giá trị kim ngạch thu về 252,3 triệu USD, tăng 13,7% về lượng và 15% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Gạo của Campuchia đã được xuất khẩu tới 63 thị trường quốc tế trong 5 tháng đầu năm thông qua 48 công ty xuất khẩu, trong đó 26 nước châu Âu (EU) tiêu thụ 160.732 tấn gạo, trị giá 126,75 triệu USD; Trung Quốc thu mua 90.665 tấn trị giá 53,25 triệu USD; các nước ASEAN tiêu thụ 49.700 tấn trị giá 34,56 triệu USD; 30 thị trường còn lại mua 43.099 tấn trị giá 37,80 triệu USD.

Các loại gạo xuất khẩu bao gồm gạo thơm, gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ, trong đó gạo thơm chiếm 75% tổng lượng gạo xuất khẩu.

Cũng theo báo cáo của CRF, Campuchia đã thu về hơn 740 triệu USD từ buôn bán lúa qua biên giới với khối lượng đạt 3,1 triệu tấn trong 5 tháng đầu năm.

Trước đó, năm 2024, quốc gia này đã xuất khẩu hơn 651.522 tấn gạo xay xát, thu về 491 triệu USD. Trong năm 2025, CRF đã đặt ra mục tiêu đầy tham vọng là xuất khẩu ít nhất một triệu tấn gạo xay xát. Để phấn đấu đạt được mục tiêu đó, Chính phủ Campuchia đã phân bổ 150 triệu USD cho các nhà xay xát gạo để mua lúa từ nông dân, theo *Khmertimeskh*.

b. Nhập khẩu



Philippines: Theo số liệu từ Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI), trong 5 tháng đầu năm 2025, lượng gạo nhập khẩu của nước này đạt khoảng 1,9 triệu tấn, giảm 12,5% (tương đương khoảng 270.000 tấn) so với cùng kỳ năm ngoái (2,15 triệu tấn).

Nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm là do lượng tồn kho gạo chuyển tiếp ở mức cao, sau khi khu vực tư nhân đã nhập khẩu kỷ lục 4,8 triệu tấn trong năm 2024. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong ngành kỳ vọng vụ

mùa trong nước năm nay sẽ đạt kết quả tốt nhờ điều kiện thời tiết ổn định, không chịu ảnh hưởng của các hiện tượng cực đoan như El Niño hay bão lớn. Điều này góp phần làm giảm nhu cầu nhập khẩu gạo.

Ngoài ra, việc chính phủ áp dụng giá bán lẻ tối đa (SRP) đối với gạo nhập khẩu cao cấp cũng được xem là một yếu tố giúp hạn chế lượng gạo nhập khẩu vào thị trường nội địa.

Trước đó, Bộ Kinh tế, Quy hoạch và Phát triển Philippines đã dự báo tổng lượng gạo nhập khẩu trong năm 2025 sẽ đạt khoảng 3,45 triệu tấn, giảm khoảng 28% so với năm ngoái.

Số liệu mới nhất của BPI cho thấy, tính đến ngày 5/6, tổng lượng gạo nhập khẩu của Philippines đạt 1,92 triệu tấn. Trong đó, Việt Nam tiếp tục là nhà cung cấp lớn nhất, chiếm khoảng 75% tổng lượng nhập khẩu, tương đương 1,43 triệu tấn.

Tiếp đến, lượng gạo nhập khẩu từ Myanmar đạt 290.680 tấn, trong khi từ Thái Lan và Pakistan lần lượt là 106.350 tấn và 71.761 tấn. Trong khi đó, nước này cũng nhập khẩu 19.309 tấn từ Ấn Độ, 2.000 tấn từ Hàn Quốc, 1.350 tấn từ Campuchia, 1.200 tấn từ Singapore, 336 tấn từ Nhật Bản, 0,77 tấn từ Italy và 0,35 tấn từ Tây Ban Nha.



Nhật Bản: Bộ trưởng Nông nghiệp Nhật Bản Shinjiro Koizumi ngày 3/6 cho biết chính phủ sẽ xuất kho thêm 200.000 tấn gạo từ nguồn dự trữ khẩn cấp nhằm đối phó với tình trạng giá gạo đã tăng gấp đôi so với năm ngoái.

Giá gạo tăng mạnh đang gây lo ngại cho cả người dân và giới chức Nhật Bản, đặc biệt khi nước này chuẩn bị bước vào các cuộc bầu cử quan trọng. Người dân đã xếp hàng dài mua gạo dự trữ đóng túi 5kg giá 2.000 yen (13,82

USD) khi hàng bắt đầu được bày bán tại các cửa hàng bán lẻ khoảng 10 ngày trước.

Bộ trưởng Nông nghiệp Koizumi cam kết sẽ nhanh chóng đưa gạo dự trữ đến tay người tiêu dùng với giá hợp lý để không phá vỡ đà phục hồi kinh tế. Ông nhấn mạnh nếu giá gạo là nguyên nhân, thì cần xử lý triệt để.

Kể từ tháng 3, chính phủ đã tung ra khoảng 600.000 tấn gạo dự trữ, trong đó một nửa được phân phối trực tiếp đến các nhà bán lẻ chỉ trong hai tuần gần đây. Nhờ đó, giá gạo tại siêu thị đã giảm tuần thứ hai liên tiếp tính đến ngày 1/6, còn 4.223 yen/5kg, giảm 37 yen so với tuần trước đó.

Ông Koizumi cho biết sẵn sàng sử dụng toàn bộ lượng dự trữ và cả gạo nhập khẩu nếu cần, nhằm giữ giá ổn định đến khi vụ mùa mới thu hoạch vào tháng 8. Chính phủ sẽ theo dõi sát diễn biến giá cả trong thời gian cao điểm bầu cử sắp tới.

Số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) cho thấy, trong 4 tháng đầu năm, Nhật Bản đã nhập khẩu 280.215 tấn gạo, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Các thị trường cung cấp chính gồm Mỹ: 150.702 tấn, tăng 28,4% và chiếm 50,2% thị phần; Thái Lan: 95.029 tấn, giảm 0,1% và chiếm 33,9%; Australia: 16.264 tấn, tăng 36% và chiếm 7,8%;....

Đáng chú ý, Việt Nam đứng thứ 7 về xuất khẩu gạo vào Nhật Bản với khối lượng đạt 2.004 tấn, tăng đột biến 14 lần (1.321%) so với cùng kỳ năm ngoái. Với kết quả này, thị phần của Việt Nam trong tổng nhập khẩu gạo Nhật Bản đã tăng từ 0,1% lên mức 0,7%.



Trung Quốc: Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 4 tháng đầu năm, Trung Quốc đã nhập khẩu 911.251 tấn gạo, trị giá 457,2 triệu USD, tăng mạnh 91,5% về lượng và 60,8% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Việt Nam là nguồn cung gạo lớn nhất vào Trung Quốc với khối lượng đạt 310.624 tấn, trị giá 157,36 triệu USD, tăng 140,8% và chiếm 34,1% thị phần. Tiếp đến là Thái Lan đạt 206.4036 tấn, tăng 45,8% và chiếm 22,7%; Myanmar đạt 164.595 tấn, tăng 22,2% và chiếm 18,1%; đặc biệt, Ấn Độ đạt 128.250 tấn, tăng 201 lần so với chỉ 638 tấn của cùng kỳ năm 2024...

Bộ Nông Nghiệp Mỹ dự báo Trung Quốc - nước tiêu thụ gạo lớn nhất thế giới, sẽ nhập khẩu 2,4 triệu tấn gạo trong năm 2025 và 2,45 triệu tấn vào năm 2026, tăng mạnh từ mức 1,6 triệu tấn của năm 2024. Nguyên nhân tăng chủ yếu do nguồn cung dồi dào sau khi Ấn Độ dỡ bỏ các hạn chế xuất khẩu gạo và đẩy giá mặt hàng này xuống mức thấp nhất trong hơn 2 năm qua.

3 Diễn biến giá

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), chỉ số giá gạo trung bình toàn cầu trong tháng 5 đạt 106,3 điểm, tăng 1,4% so với mức 104,9 điểm của tháng trước. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2024, chỉ số này vẫn giảm mạnh tới 22,6%.

Chỉ số giá gạo của FAO theo dõi 21 mức giá xuất khẩu trên bốn loại gạo chính: Indica, gạo thơm, Japonica và gạo nếp. FAO cho biết giá các loại gạo thơm tăng cao và nhu cầu mạnh, cùng với những biến động tỷ giá hối đoái,

được cho là những yếu tố đã đẩy giá gạo quốc tế tăng so với tháng trước.

Cụ thể, chỉ số gạo thơm, theo dõi biến động giá gạo Basmati và gạo thơm, đã tăng 4,6%. Theo FAO, nhu cầu mạnh đối với gạo Basmati trước lễ Eid al-Adha là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tăng giá này, bên cạnh việc vận chuyển ồ ạt gạo thơm Hom Mali của Thái Lan sang Mỹ sau khi Mỹ tạm dừng áp dụng thuế đối ứng trong 90 ngày.

Chỉ số gạo Japonica tăng 1% do giá gạo Calrose tăng nhờ doanh số bán hàng mạnh sang Nhật Bản. Đồng thời, giá gạo trong nước tại Nhật Bản liên tục ở mức cao đã làm dấy lên dự báo rằng nước này sẽ tiếp tục nhập khẩu thêm gạo.

Bên cạnh đó, giá gạo Indica tăng 0,7%, trong khi giá gạo nếp nhìn chung ổn định. Tháng trước, giá xuất khẩu gạo Indica tại các nước cung cấp chính ở châu Á có sự biến động trái chiều. Tại Thái Lan, giá gạo đã phục hồi lên mức cao nhất trong ba tháng sau khi vụ thu hoạch trái vụ 2024-2025 kết thúc và đồng Baht Thái tăng giá so với đồng USD.

Tại Ấn Độ, xuất khẩu gạo sang châu Phi đã đẩy giá gạo trắng lên, trong khi vụ thu hoạch Rabi và mùa hè lại khiến giá gạo đỏ giảm. Ngược lại, giá xuất khẩu tại Pakistan và Việt Nam chỉ biến động nhẹ do nhu cầu yếu và cạnh tranh từ các nhà cung cấp khác (**Bảng 1**).

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ tháng 3 đến tháng 5/2025

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Diễn biến giá qua các tháng (USD/tấn)			Thay đổi của tháng 5/2025 so với (%)		
		3/2025	4/2025	5/2025	Tháng 4/2025	Tháng 12/2024	Tháng 5/2024
Ấn Độ	Basmati	875	875	875	0,0	▼ 16,7	▼ 37,5
	Trắng 25% tấm	359	362	367	▲ 1,5	▼ 14,2	
	Trắng 5% tấm	378	376	382	▲ 1,7	▼ 14,1	
	Gạo đỏ 5% tấm	406	398	377	▼ 5,3	▼ 14,3	▼ 27,6
Pakistan	Basmati	925	956	1.033	▲ 8,1	▲ 7,1	▲ 13,8
	Trắng 25% tấm	347	368	367	▼ 0,2	▼ 8,6	▼ 31,0
	Trắng 5% tấm	387	392	392	0,0	▼ 12,9	▼ 32,7
Thái Lan	Trắng 100% tấm	440	425	446	▲ 4,9	▼ 17,7	▼ 30,6
	Trắng 25% tấm	410	397	415	▲ 4,5	▼ 17,1	▼ 30,1
	A1 Super	362	353	362	▲ 2,8	▼ 12,0	▼ 23,8
	Hom Mali	1.017	1.012	1.097	▲ 8,4	▲ 14,7	▲ 19,6
	Nếp 10% tấm	827	765	770	▲ 0,7	▼ 8,7	▼ 2,6
	Đỏ 100%	448	429	446	▲ 3,9	▼ 16,8	▼ 29,5
Việt Nam	Nếp 10% tấm	585	590	584	▼ 0,9	▼ 3,3	▼ 0,2
	Trắng 25% tấm	360	370	369	▼ 0,4	▼ 18,3	▼ 32,1
	Trắng 5% tấm	387	397	498	▲ 25,4	▲ 2,5	▼ 12,4
	Thơm 5% tấm	459	517	510	▼ 1,4	▼ 19,0	▼ 16,9
Campuchia	Thơm 5% tấm	872	908	935	▲ 3,0	▲ 4,4	▲ 0,6
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	792	789	800	▲ 1,4	▲ 3,2	▼ 17,1
	Calrose 4% tấm	676	675	666	▼ 1,3	▼ 8,9	▼ 14,9
Argentina	Trắng 5% tấm	568	556	528	▼ 5,1	▼ 25,0	▼ 32,6
Brazil	Trắng 5% tấm	591	567	538	▼ 5,1	▼ 21,4	▼ 31,4
Uruguay	Trắng 5% tấm	582	558	540	▼ 3,3	▼ 23,9	▼ 33,3

Cập nhật mới nhất đến ngày 15/6, giá gạo tại các trung tâm lớn ở châu Á giảm trở lại do nhu cầu yếu và nguồn cung tăng cao, trong đó giá gạo Ấn Độ rơi xuống mức thấp nhất trong hai năm qua.

Gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức 378–384 USD/tấn, giảm so với mức 384 - 391 USD/tấn của tháng trước. Gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ được báo giá từ 372 - 377 USD/tấn, giảm 8 USD/tấn so với cách đây một tháng.

“Mức cầu đã rất yếu trong vài tuần qua, ngay cả sau khi chúng tôi đã hạ giá. Nguồn cung thì rất dồi dào,” một thương nhân ở Kolkata cho biết.

Lượng gạo dự trữ quốc gia của Ấn Độ, bao gồm cả lúa chưa xay xát, đạt mức kỷ lục 59,5 triệu tấn tính đến ngày 1/6, vượt xa mục tiêu 13,5 triệu tấn của chính phủ vào ngày 1/7.

Gạo 5% tấm của Thái Lan đang được chào bán ở mức 398 USD/tấn, giảm 12 USD/tấn so với tháng trước do biến động tiền tệ và nhu cầu yếu. Một thương nhân tại Bangkok cho biết: “Giá giảm do đồng Baht yếu và nhu cầu hạn chế”.

“Philippines đang giảm nhập khẩu, còn Indonesia thì nói rằng họ sẽ xuất khẩu. Gạo Thái Lan đang gặp khó khăn trong năm nay,” thương nhân này nói thêm, đồng thời cho biết nguồn cung không gặp vấn đề gì.

Tương tự, theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam, giá gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức 388 USD/tấn, giảm 11 USD/tấn so với một tháng trước.

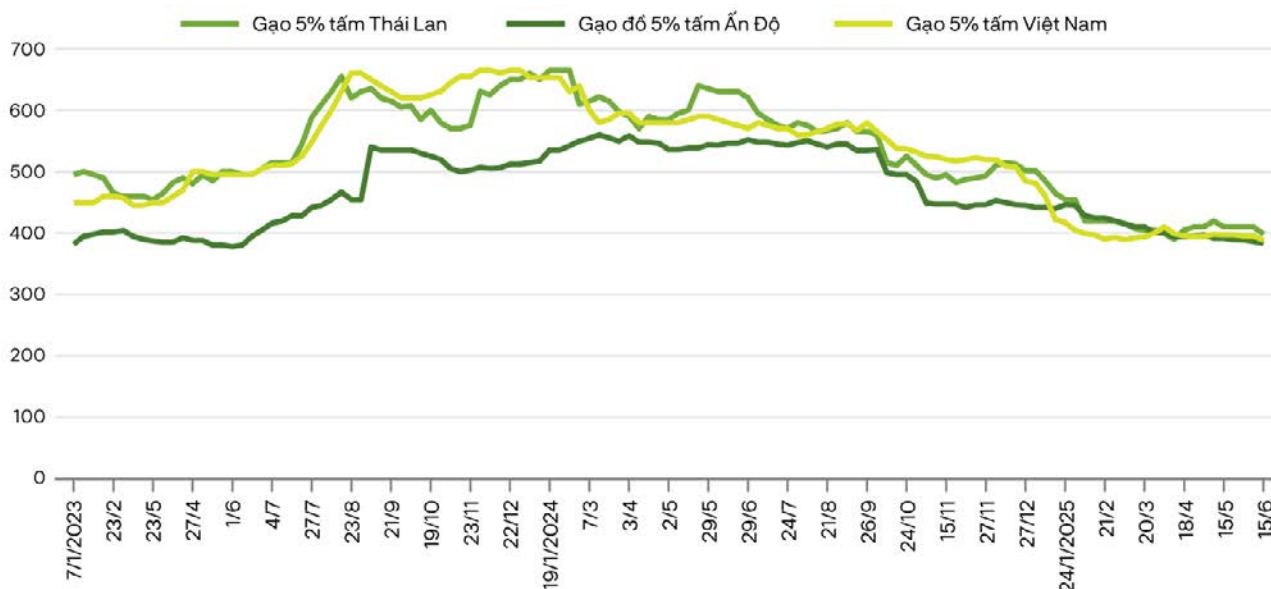
“Nhu cầu yếu trong khi nguồn cung trong nước và toàn cầu đều dồi dào,” một thương nhân tại TP.HCM cho biết, đồng thời lưu ý rằng Việt Nam đang vào vụ thu hoạch lớn.

Trong khi đó, chương trình thu mua lúa gạo nội địa của Bangladesh khởi động từ ngày 24/4 vẫn đang tiến triển chậm mặc dù giá thu mua của chính phủ đã tăng 9%.

Nỗ lực thu mua 1,75 triệu tấn gạo và lúa đang gặp trở ngại do giá thị trường cao hơn và quy trình thu mua còn thiếu hiệu quả. Chính phủ đang đưa ra mức giá 49 taka/kg đối với gạo tấm và 36 taka/kg đối với lúa (**Biểu đồ 4**). ■

Biểu đồ 4: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2023 đến ngày 15/6/2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Phần II: THỊ TRƯỜNG GẠO VIỆT NAM



Trong 5 tháng đầu năm nay, xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Dù giá bán giảm, nhưng lượng tăng và Việt Nam tiếp tục giữ được lợi thế cạnh tranh so với các nước xuất khẩu lớn như Thái Lan, Pakistan...

1 Sản xuất

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 20/5, các địa phương phía Nam thu hoạch được 1.881 nghìn ha lúa đông xuân, chiếm 98,0% diện tích xuống giống và bằng 101,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vùng Đồng bằng sông Cửu Long thu hoạch được 1.508,3 nghìn ha, chiếm 100% diện tích gieo cấy.

Cùng với thu hoạch lúa đông xuân, đến ngày

20/5, các địa phương phía Nam gieo trồng được 1.258 nghìn ha lúa hè thu, bằng 111,3% cùng kỳ năm trước, trong đó chủ yếu là vùng Đồng bằng sông Cửu Long với 1.162 nghìn ha, bằng 113,0%. Tiến độ gieo trồng lúa hè thu năm nay nhanh hơn cùng kỳ do bà con nông dân tranh thủ thời tiết thuận lợi, mưa nhiều trên diện rộng đã chủ động xuống giống sớm.

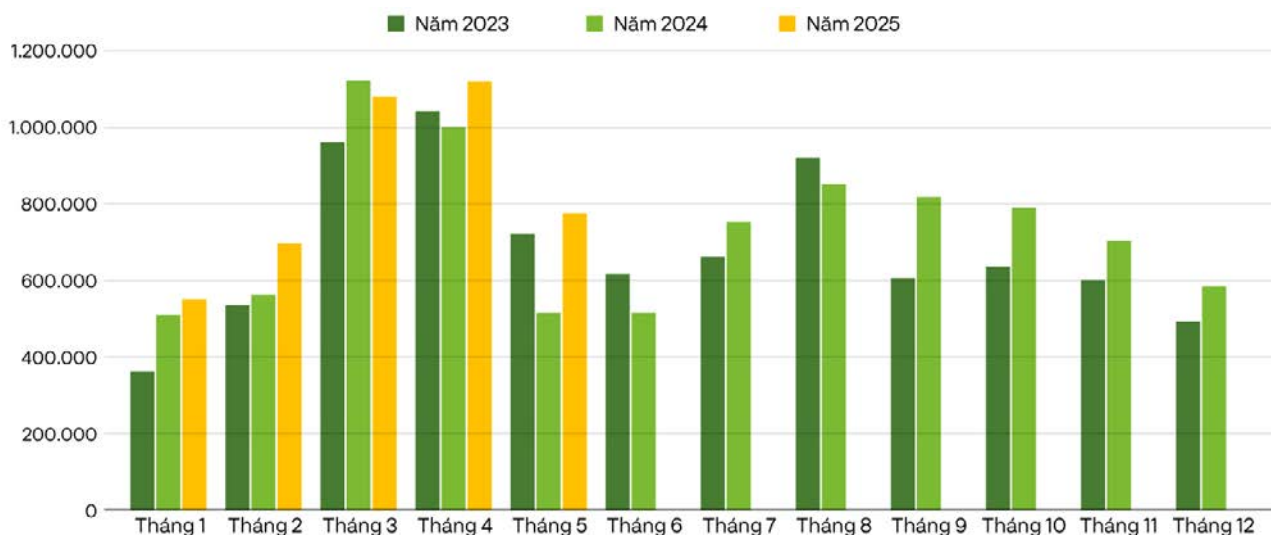
Hiện lúa hè thu đang ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đồng, các địa phương tập trung chăm sóc để đảm bảo đạt năng suất tối ưu.

2 Xuất khẩu

Theo số liệu của Cục Hải quan, trong tháng 5, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 776.296 tấn, trị giá 560,2 triệu USD, giảm 30,6% về lượng và 27,1% về trị giá so với tháng trước, đồng thời giảm 10,4% về lượng và 22,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 (**Biểu đồ 5**).

Biểu đồ 5: Xuất khẩu gạo của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023-2025

Đơn vị: tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Tính chung 5 tháng đầu năm, xuất khẩu gạo đạt 4,2 triệu tấn, trị giá gần 2,2 tỷ USD, tăng 4% về lượng nhưng lại giảm 15,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, do giá thấp hơn.

Về thị trường, trong tháng 5, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang một số thị trường như Bờ Biển Ngà, Malaysia, Mozambique và Indonesia... giảm sâu ở mức hai con số so với cùng kỳ năm ngoái. Ngược lại, Philippines, Trung Quốc, Ghana... tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Đáng chú ý, xuất khẩu gạo sang thị trường Mỹ trong tháng 5 đạt 5.726 tấn, tăng gấp 2,1 lần so với tháng trước và tăng 88,2% so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm, xuất khẩu sang thị trường này đạt 17.511 tấn, tăng 46,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

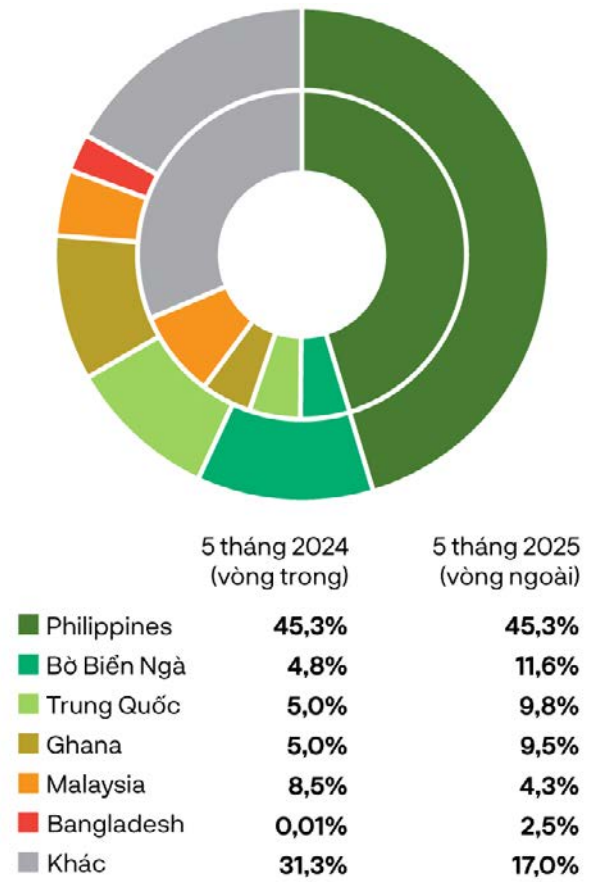
Trong khi giá gạo xuất khẩu sang nhiều thị trường khác có xu hướng giảm, thì giá bán sang Mỹ lại tăng 8% trong 5 tháng, đạt bình quân 927 USD/tấn. Mặc dù Mỹ không phải là thị trường xuất khẩu gạo lớn của Việt Nam nhưng đây là thị trường tiêu thụ quan trọng đối với một số loại gạo thơm có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là ST25.

Trong khi đó, Philippines tiếp tục là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm, đạt 1,9 triệu tấn, trị giá 942 triệu USD, tăng 4,1% về lượng nhưng giảm 17,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị trường này chiếm đến 45,3% khối lượng và 43,4% tổng trị giá xuất khẩu của nước ta **(Biểu đồ 6)**.

Lượng gạo xuất khẩu sang một số thị trường chủ lực khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng trong 5 tháng đầu năm như: Bờ Biển Ngà tăng 148,2%; Trung Quốc tăng 102,7%; Ghana tăng 99,8%...

Biểu đồ 6: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong 5 tháng đầu các năm 2024 và 2025

Đơn vị: % theo khối lượng.
Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Đặc biệt, xuất khẩu gạo sang Bangladesh tăng đột biến 442 lần; Senegal tăng 58 lần; Thổ Nhĩ Kỳ tăng 27 lần; Chile tăng 34 lần...

Ngược lại, Indonesia chỉ nhập khẩu 18.427 tấn gạo từ Việt Nam trong 5 tháng đầu năm, giảm mạnh 97,3% so với cùng kỳ. Với kết quả này Indonesia rơi xuống vị trí thứ 13 về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam từ thứ hai của năm ngoái.

Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), cho biết trong “thời gian vàng” trước khi thuế đối ứng có hiệu lực, nhiều doanh nghiệp đã nhanh chóng đẩy mạnh các hợp đồng giao hàng sớm sang Mỹ.

Liên quan đến rủi ro thuế quan, VFA nhận định nếu mức thuế đối ứng Mỹ áp dụng dao động quanh 20% thì vẫn nằm trong vùng chịu đựng được, nhất là trong bối cảnh giá gạo thế giới đã giảm khá sâu so với năm 2023.

Điều này đồng nghĩa với việc, ngay cả khi chịu thêm chi phí thuế, giá bán cuối cùng tại Mỹ cũng không tăng đột biến. Mức giá vẫn đủ hấp

dẫn với các nhóm khách hàng có nhu cầu thực sự, đặc biệt là cộng đồng người Việt sinh sống tại đây.

Nhìn chung trong 5 tháng đầu năm nay, xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Dù giá bán giảm, nhưng lượng tăng và Việt Nam tiếp tục giữ được lợi thế cạnh tranh so với các nước xuất khẩu lớn như Thái Lan, Pakistan... **(Bảng 2).**

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.

Thị trường xuất khẩu	Tháng 5/2025		So với tháng 5/2024		5 tháng đầu 2025		So với 5 tháng năm 2024		Thị phần theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	5 tháng 2024	5 tháng 2025
Tổng	776.296	408.225	▼ 10,4	▼ 22,8	4.200.160	2.171.504	▲ 4,0	▼ 15,4	100,0	100,0
Philippines	419.522	212.426	▲ 23,6	▲ 4,0	1.904.183	942.008	▲ 4,1	▼ 17,4	45,3	45,3
Bờ Biển Ngà	45.497	21.399	▼ 40,7	▼ 53,4	485.948	231.865	▲ 148,2	▲ 88,6	4,8	11,6
Trung Quốc	50.671	26.281	▲ 46,7	▲ 33,4	412.250	208.936	▲ 102,7	▲ 75,4	5,0	9,8
Ghana	95.294	52.659	▲ 117,4	▲ 79,4	399.593	227.599	▲ 99,8	▲ 61,4	5,0	9,5
Malaysia	46.011	20.347	▼ 67,5	▼ 75,5	181.162	93.405	▼ 47,3	▼ 54,7	8,5	4,3
Bangladesh					104.703	49.730	▲ 44.078	▲ 29.224	0,0	2,5
Senegal	264	157			82.403	25.832	▲ 5.707	▲ 2.419	0,0	2,0
Singapore	18.533	10.496	▲ 24,4	▲ 6,2	73.182	42.615	▼ 9,3	▼ 18,6	2,0	1,7
Mozambique	10.720	5.784	▼ 23,5	▼ 37,5	35.637	20.956	▼ 33,6	▼ 43,3	1,3	0,8
UAE	4.857	3.063	▼ 5,0	▼ 14,2	25.433	16.694	▼ 2,6	▼ 12,5	0,6	0,6
Hong Kong	5.247	3.129	▲ 22,2	▲ 8,2	25.174	15.568	▲ 35,1	▲ 21,7	0,5	0,6
Campuchia	5.233	3.283	▼ 4,2	▼ 7,0	21.053	13.421	▼ 16,2	▼ 16,1	0,6	0,5
Indonesia	2.080	887	▼ 98,4	▼ 98,8	18.427	8.230	▼ 97,3	▼ 98,1	16,8	0,4
Mỹ	5.726	5.686	▲ 88,2	▲ 121,9	17.511	16.230	▲ 46,1	▲ 57,8	0,3	0,4
Australia	3.211	2.444	▲ 31,4	▲ 18,6	15.108	11.749	▲ 17,8	▲ 15,9	0,3	0,4
Arab Saudi	2.799	1.839	▼ 49,4	▼ 54,3	13.170	8.971	▼ 27,6	▼ 34,5	0,5	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ					10.242	6.248	▲ 2.617	▲ 1.894	0,0	0,2
Đài Loan	1.905	1.024	▼ 11,6	▼ 24,5	9.709	5.496	▲ 28,0	▲ 13,3	0,2	0,2
Hà Lan	2.629	1.863	▲ 147,1	▲ 114,9	6.968	5.272	▲ 14,7	▲ 3,1	0,2	0,2
Ba Lan	866	701	▲ 6,3	▲ 13,7	5.483	4.279	▲ 9,2	▲ 13,7	0,1	0,1
Nam Phi	1.211	765	▲ 23,7	▲ 3,7	3.933	2.573	▲ 6,4	▼ 4,9	0,1	0,1
Tanzania	2.210	1.456			3.250	2.125	▼ 40,4	▼ 46,8	0,1	0,1
Chile	36	32	▼ 61,3	▼ 48,6	3.203	1.989	▲ 3.344	▲ 3.085	0,0	0,1
Nga	291	238	▲ 47,7	▲ 51,0	2.411	1.629	▼ 36,2	▼ 42,4	0,1	0,1
Pháp	258	194	▼ 67,1	▼ 69,2	1.801	1.455	▼ 27,4	▼ 26,7	0,1	0,0
Tây Ban Nha	447	319	▲ 210,4	▲ 150,9	1.257	880	▲ 46,5	▲ 28,9	0,0	0,0
Angola	223	113			525	305	▼ 12,8	▲ 53,0	0,0	0,0
Ukraine	122	90	▲ 31,2	▲ 10,1	417	323	▲ 22,3	▲ 11,7	0,0	0,0
Iraq	26	22	▲ 8,3	▼ 6,2	127	105	0,0	▼ 1,3	0,0	0,0
Bi					54	45	▼ 80,4	▼ 68,4	0,0	0,0
Brunei	22	22	0,0	▲ 11,8	44	44	▼ 32,3	▼ 29,1	0,0	0,0
Thị trường khác	50.385	31.503	▲ 28,1	▲ 16,1	335.799	204.927	▲ 11,5	▲ 3,3	7,5	8,0

3 Diễn biến giá

Giá xuất khẩu đạt bình quân trong tháng đạt 526 USD/tấn, tăng 5% so với tháng trước và đánh dấu tháng phục hồi thứ hai liên tiếp, nhưng so với cùng kỳ năm ngoái vẫn giảm 13,8%.

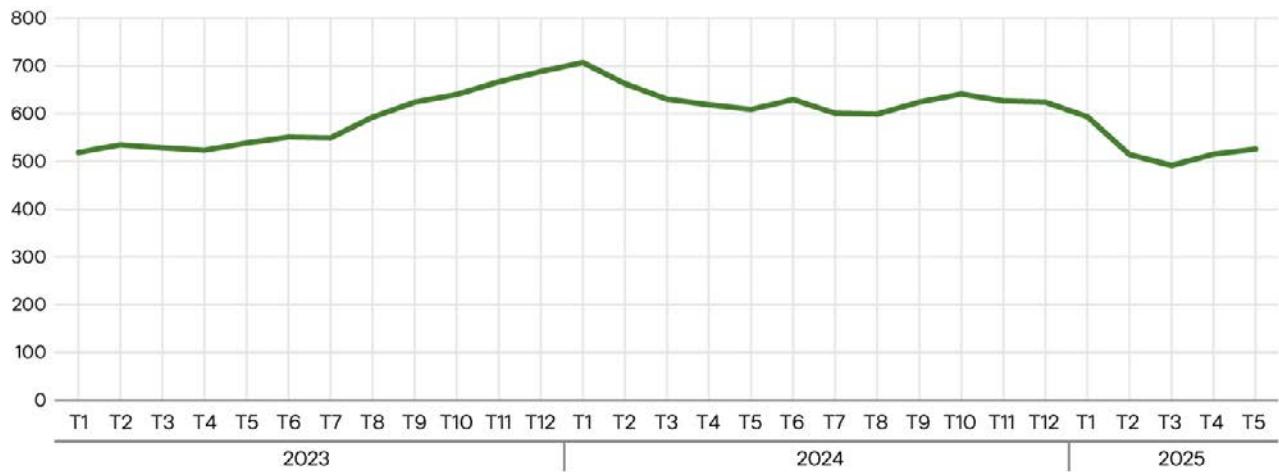
Tính chung 5 tháng đầu năm, giá xuất khẩu đạt 517 USD/tấn, giảm 18,6% tương ứng 118 USD/tấn so với cùng kỳ. Kể từ khi Ấn Độ mở cửa xuất khẩu gạo trở lại từ tháng 9/2024, giá gạo đã dần quay về mặt bằng giá năm 2023. (Biểu đồ 7).

Trên thị trường nội địa, theo dữ liệu từ Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang, giá thu mua lúa trên địa bàn tỉnh đã giảm từ 200 – 600 đồng/kg trong tháng 5 vừa qua và giảm tổng cộng 1.800 – 2.450 đồng/kg kể từ đầu năm nay.

Cụ thể, tính đến cuối tháng 5, giá thu mua lúa Đài Thơm 8 (tươi) và OM 18 (tươi) giảm xuống còn 6.800 đồng/kg; Nàng Hoa 9 trong khoảng 6.650 – 6.750 đồng/kg; OM 5451 từ 6.000 – 6.200 đồng/kg; IR 50404 (tươi) ở mức 5.300 – 5.500 đồng/kg; OM 380 (tươi) đạt 5.200 – 5.400 đồng/kg (**Bảng 3**). ■

Biểu đồ 7: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023-2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa tại An Giang tính đến ngày 30/5/2025

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Đơn vị tính	Giá mua của thương lái (đồng)	Thay đổi so với tháng trước (đồng)	Thay đổi so với đầu năm (đồng)
Nếp IR 4625 (tươi)	kg	7.700 – 7.900		▼ 300
Nếp IR 4625 (khô)	kg	9.700 – 9.800	▼ 200	▼
Lúa IR 50404	kg	5.300 – 5.500	▼ 500	▼ 2.100
Lúa OM 5451	kg	6.000 – 6.200	▼ 400	▼ 2.300
Lúa OM 380 (tươi)	kg	5.200 – 5.400	▼ 600	▼ 1.800
Lúa Đài Thơm 8 (tươi)	kg	6.800	▼ 200	▼ 2.100
OM 18 (tươi)	kg	6.800	▼ 200	▼ 2.100
Nàng Hoa 9	kg	6.650 – 6.750		▼ 2.450

Phần III: DỰ BÁO



Các doanh nghiệp xuất khẩu cho biết, xuất khẩu gạo trong tháng 5 chậm lại sau khi kết thúc vụ đông xuân, trong khi vụ hè thu vẫn chưa đến kỳ thu hoạch, lượng lúa gạo hàng hoá trên thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu Long không còn nhiều. Dự kiến sản lượng xuất khẩu sẽ cải thiện vào tháng 7-8 khi bước vào giai đoạn thu hoạch chính của vụ hè thu.

Trong khi đó, việc Ấn Độ đang đẩy mạnh xuất khẩu, giải phóng lượng lớn gạo trắng cũng làm nguồn cung toàn cầu tăng lên, cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu cũng tăng theo. Tuy nhiên, việc này không tác động quá nhiều đến thị trường xuất khẩu của Việt Nam bởi chủ yếu xuất khẩu gạo thơm.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam cho hay gạo Việt Nam đang ở phân khúc trung bình cao và đang tiến lên phân khúc cao cấp hơn, với giá trị và thương hiệu ngày càng rõ nét. Ở

phân khúc này, nhu cầu hiện rất lớn, đặc biệt tại các thị trường như Nhật Bản, Mỹ và EU. Cơ sở giá gạo chưa từng có ở Nhật kéo dài từ cuối năm ngoái đến nay chưa hề có dấu hiệu hạ nhiệt. Đây là dư địa rất lớn để Việt Nam mở rộng sản xuất và xuất khẩu các loại gạo thơm, gạo đặc sản.

Ngày 5/6 vừa qua, 500 tấn gạo Japonica mang nhãn hiệu “Gạo Việt xanh phát thải thấp” lần đầu tiên xuất khẩu đến thị trường Nhật Bản. Đáng chú ý, gạo đạt chứng nhận phát thải thấp được Nhật Bản định giá hơn 1.000 USD/tấn, ngang với dòng gạo cao cấp nhất của Thái Lan hiện nay và cao gấp đôi so với giá gạo thơm đang được doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu.

Trong những tháng đầu năm, xuất khẩu gạo của Việt Nam vẫn duy trì được đà tăng trưởng tại các thị trường truyền thống, đồng thời giữ mức giá khá cạnh tranh so với các nước xuất khẩu lớn khác như Thái Lan và Pakistan. Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm nay có thể đạt 7,9 triệu tấn, vượt Thái Lan (7 triệu tấn), trở thành quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Ấn Độ. ■

Phần IV: HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TRONG NGÀNH

Bên cạnh việc duy trì các thị trường truyền thống, thời gian qua, các doanh nghiệp đã tích cực mở rộng xuất khẩu gạo sang các thị trường cao cấp như Mỹ, EU, và đặc biệt là Nhật Bản.



CTCP Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (Mã: TAR):

Theo ông Phạm Thái Bình, Chủ tịch Hội đồng quản

trị Công ty cổ phần Nông nghiệp công nghệ cao Trung An, thế giới ngày càng quan tâm tới tiêu dùng có trách nhiệm, bảo vệ môi trường, dư địa tăng trưởng cho gạo an toàn, phát thải thấp còn rất lớn. Điển hình như thị trường Nhật Bản, nhà nhập khẩu sẵn sàng trả thêm vài trăm USD/tấn cho gạo đạt chứng nhận phát thải thấp.

Đầu tháng 6, lô hàng 500 tấn “Gạo Việt xanh phát thải thấp” đầu tiên của Việt Nam do Công ty nông nghiệp công nghệ cao Trung An sản xuất, Hiệp hội ngành hàng lúa gạo Việt Nam (VIETRISA) chứng nhận đã được xuất khẩu đi thị trường Nhật Bản.

Sự kiện này đánh dấu thành công bước đầu của Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

“Sau đơn hàng này, phía Nhật Bản tiếp tục đặt hàng thêm 2.500 tấn gạo phát thải thấp cho kỳ giao hàng vào tháng 10 năm nay. Không chỉ

có Nhật Bản, nhiều thị trường phát triển khác như EU cũng đặc biệt quan tâm tới gạo phát thải thấp.

Điều này cho thấy việc tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi, kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn là hướng đi đúng đắn, giúp nâng cao vị thế, giá trị của gạo Việt Nam trên thị trường thế giới.”, ông Phạm Thái Bình chia sẻ thêm.



TAN LONG GROUP

Tập đoàn Tân Long: Ông Trương Sỹ Bá, Chủ tịch Tập đoàn Tân Long cho biết, doanh nghiệp đã xuất khẩu

gạo mang thương hiệu AAn sang Nhật Bản trong nhiều năm qua, năm ngoái đạt hơn 5.000 tấn và dự kiến năm nay đạt 30.000 tấn. Xuất khẩu gạo sang Nhật Bản rất khó, vì nước này đặt ra nhiều tiêu chí khắt khe, nhưng thu về hiệu quả kinh tế cao.

Nhật Bản là thị trường rất khó tính, đặt ra nhiều tiêu chuẩn cao đối với nông sản nhập khẩu, trong đó có mặt hàng gạo. Tháng 6/2022, Tập đoàn Tân Long lần đầu tiên xuất khẩu thành công dòng gạo ST25 AAN sang Nhật Bản, với chuyến hàng thử nghiệm 5 container. Sau đó, Tân Long tiếp tục giới thiệu và chính thức bán sản phẩm gạo Japonica AAN tại thị trường này.



Công ty cổ phần Tập đoàn

Lộc Trời (Mã: LTG):

Lộc Trời dự kiến tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025 vào ngày 14/7 tới tại

An Giang. Theo tài liệu trình cổ đông, doanh nghiệp lên kế hoạch kinh doanh năm 2025 với doanh thu thuần chỉ 4.200 tỷ đồng – mức thấp

nhất trong hơn 10 năm qua. Lỗ kế toán trước thuế, lãi vay và khấu hao (EBITDA) dự kiến ở mức 524 tỷ đồng.

Trong báo cáo tình hình hoạt động năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đánh giá đây là một năm đầy khó khăn khi Lỗ Trời chịu áp lực từ chi phí vận hành, biên lợi nhuận thấp và những vướng mắc tài chính làm gián đoạn việc triển khai vùng nguyên liệu cũng như hạn chế hoạt động xuất khẩu.

Một nội dung đáng chú ý khác là đề xuất hủy phương án trả cổ tức năm 2023. Trước đó, ĐHCĐ năm 2024 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức 30% từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại báo cáo tài chính kiểm toán 2023. Tuy nhiên, HĐQT cho biết tình hình sản xuất – kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 gặp quá nhiều khó khăn khiến công ty không còn đủ nguồn lực chi trả.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp hiện đang nợ hàng loạt khoản phải trả như nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm xã hội), nợ ngân hàng, nhà cung cấp và tiền lương người lao động. Trong bối cảnh đó, HĐQT xin ý kiến cổ đông thông qua việc hủy cổ tức đã chốt năm trước.



Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex, mã: AGM): Angimex vừa có văn bản

giải trình nguyên nhân và phương án khắc phục tình trạng cổ phiếu bị hạn chế giao dịch sau khi chuyển sàn sang UPCoM do bị hủy niêm yết bắt buộc.

Cụ thể: do vốn chủ sở hữu của công ty được nêu tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bị âm, dẫn đến việc Công ty bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo quy định và sau khi chuyển sang thị trường UPCoM, do chưa khắc phục được tình trạng tài chính, cổ phiếu AGM đã bị HNX đưa vào diện hạn chế

giao dịch kể từ ngày 23/5/2025 theo Quyết định số 560/QĐ-SGDHN ngày 21/5/2025.

Để khắc phục, Angimex đang thoái vốn khỏi đơn vị hiệu quả thấp, tập trung ngành cốt lõi, cắt giảm chi phí, xử lý nợ xấu, tinh gọn bộ máy và tái cơ cấu vốn. Doanh nghiệp kỳ vọng sớm cải thiện tài chính, đưa vốn chủ sở hữu về mức dương và cổ phiếu AGM ra khỏi diện bị hạn chế giao dịch.

Dù vậy, hoạt động kinh doanh vẫn chưa có nhiều tín hiệu cải thiện. Quý 1/2025, doanh thu thuần của AGM chỉ đạt 21 tỷ đồng, giảm tới 64% so với cùng kỳ, do không còn ghi nhận doanh thu từ các công ty con đã thoái vốn. Lãi gộp đạt khoảng 170 triệu đồng, cải thiện so với mức lỗ gộp 3 tỷ đồng cùng kỳ, nhờ không còn kinh doanh dưới giá vốn.

Tuy nhiên, khoản lỗ khác gần 26 tỷ đồng do thanh lý tài sản cố định khiến AGM lỗ ròng gần 19 tỷ đồng, cao hơn mức lỗ 15 tỷ đồng cùng kỳ. Tính đến cuối tháng 3/2025, vốn góp chủ sở hữu của AGM vẫn âm hơn 247 tỷ đồng, lỗ lũy kế hơn 429 tỷ đồng. ■

Phần V: CHÍNH SÁCH



VCCI đề xuất bỏ một số quy định về kinh doanh xuất khẩu gạo

Theo *Báo Đại Đoàn Kết*, trong văn bản góp ý gửi Bộ Công thương liên quan đến dự thảo sửa đổi Nghị định 107/2018/NĐ-CP và Nghị định 01/2025/NĐ-CP, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) nêu rõ: nhiều điều kiện kinh doanh hiện hành đang tạo gánh nặng không cần thiết, làm suy giảm cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế của doanh nghiệp nội địa.

Một trong những nội dung đáng chú ý là kiến nghị xóa bỏ quy định yêu cầu doanh nghiệp phải sở hữu kho chứa thóc, gạo mới được tham gia xuất khẩu. VCCI cho rằng, quy định này “không phù hợp với cơ chế thị trường”, gây tổn kém chi phí đầu tư ban đầu và hạn chế khả năng linh hoạt trong kinh doanh.

Việc không cho phép doanh nghiệp thuê kho được đánh giá là bất cập, làm gia tăng chi phí tuân thủ và đi ngược lại tinh thần cải cách thể chế đã được xác lập trong Nghị quyết 68-NQ/TW, vốn nhấn mạnh nguyên tắc “quản lý thay vì cấm đoán”.

VCCI cũng đề xuất loại bỏ yêu cầu thương nhân mới được cấp phép xuất khẩu phải dự trữ ít nhất 1.250 tấn gạo trong vòng 45 ngày. Theo phân tích, khi doanh nghiệp chưa có hợp đồng cụ thể, việc buộc dự trữ khối lượng lớn như vậy khiến họ rơi vào thế bị động, áp lực tài chính tăng cao, dễ dẫn đến thua lỗ hoặc chùn bước trong hoạt động xuất khẩu.

Ngoài ra, quy định này cũng gây khó khăn trong việc tiếp cận thị trường, đặc biệt với

những doanh nghiệp nhỏ vốn ít, thiếu năng lực lưu kho.

Một điểm đáng chú ý khác là kiến nghị bãi bỏ quy định trong Nghị định 01/2025/NĐ-CP về việc không cho phép doanh nghiệp chưa có giấy phép ủy thác hoạt động xuất khẩu cho doanh nghiệp đã được cấp phép. Theo VCCI, điều này cản trở khả năng tận dụng năng lực sản xuất nội địa, đồng thời làm giảm cơ hội mở rộng kênh phân phối và hợp tác giữa các doanh nghiệp.

VCCI cũng không đồng tình với việc thu hồi giấy phép chỉ vì doanh nghiệp chậm nộp báo cáo dự trữ trong vòng 45 ngày sau khi bị nhắc nhở. “Vi phạm hành chính nên được xử lý bằng biện pháp hành chính chứ không nên tước quyền kinh doanh”, văn bản nhấn mạnh. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)
Bộ Nông nghiệp & Môi trường
Cục Hải quan
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)

Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Bộ Thương Mại Ấn Độ
Reuters
Vietstock
Báo Đại Đoàn Kết

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo tháng 5/2025” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 2/2025
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý I/2025
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 4/2025

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Alex Chu**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 2 Tòa nhà COMPA Building, 293 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5, ngõ 38A, Phố Trần Phú, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Hotline: 0938.189.222 **Email:** info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  **VIETNEWS CORP**